

CÔNG TY CP DOMENAL

Mã cổ phiếu: DMN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Số: 75/CV/2026/DMN

Đồng Tháp, ngày 29 tháng 08 năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công Ty Cổ phần Domenal thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) như sau:

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

- Mã chứng khoán: DMN
- Địa chỉ: Quốc lộ 30, ấp Nguyễn Văn Đùng, xã Phong Mỹ, Tỉnh Đồng Tháp
- Điện thoại: 039 5551044
- Email: ngocyen.dmn@gmail.com hoặc vodinhhai2011@gmail.com
- Website: <http://domenal.com.vn/>

2. Nội dung thông tin công bố:

BCTC Giữa Niên Độ Đã Được Soát Xét Năm 2026

☒ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

☒ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC:

☐ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại:

☐ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☒ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☐ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 29/08/2026 tại đường dẫn: <http://domenal.com.vn/quan-he-co-dong.html>

Trân trọng!

Tài liệu đính kèm:

- BCTC Giữa Niên Độ
- Đã Được Soát Xét Năm 2026
- Văn bản giải trình

Nơi gửi:

- Như kính gửi
- HĐQT, BKS đề b/c
- Công bố thông tin
- Lưu VP Cty



CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét
cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026
đến ngày 30 tháng 06 năm 2026



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ	5 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	10
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	11 – 37

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp Nguyễn Văn Đùng, Xã Phong Mỹ, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Domenal (sau đây gọi tắt là "Công ty") và công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") hân hạnh trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Domenal là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1400641835 đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 03 năm 2008 và được thay đổi lần thứ 20 ngày 31 tháng 07 năm 2026 do Sở Tài Chính Tỉnh Đồng Tháp cấp.

Cổ phiếu của Công ty được chấp thuận đăng ký giao dịch trên thị trường UpCoM theo Quyết định số 625/QĐ-SGDHN ngày 12 tháng 11 năm 2021 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, theo Thông báo số 3397/TB-SGDHN ngày 15 tháng 11 năm 2021:

- Loại cổ phiếu: cổ phiếu phổ thông
- Mã chứng khoán: DMN
- Mệnh giá: 10.000 VND/cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu niêm yết: 12.500.000 cổ phiếu
- Tổng giá trị cổ phiếu niêm yết theo mệnh giá: 125.000.000.000 VND
- Ngày giao dịch đầu tiên: ngày 22 tháng 11 năm 2021

Trụ sở chính và nhà máy:

- Địa chỉ : Quốc lộ 30, Ấp Nguyễn Văn Đùng, Xã Phong Mỹ, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam
- Điện thoại : 0277 3 890 711
- Fax : 0277 3 890 717

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:

- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hóa chất dùng trong nông nghiệp;
- Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán buôn thực phẩm (chi tiết: Kinh doanh, xuất nhập khẩu thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản);
- Sản xuất phân bón và hợp chất nitơ;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (chi tiết: Kinh doanh, xuất nhập khẩu phân bón, các loại hóa chất.);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Nuôi trồng thủy sản nội địa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá.

Trong kỳ, hoạt động chính của Tập đoàn là sản xuất, kinh doanh thức ăn cho thủy sản, chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản.

2. Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Quản lý điều hành

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Quản lý điều hành Công ty trong kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026 và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và Tên	Chức vụ	Bổ nhiệm/ Bổ nhiệm lại và miễn nhiệm
Ông Võ Đình Ân	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	Tái bổ nhiệm từ ngày 24/04/2024
Ông Nguyễn Thanh Hà	Thành viên	Tái bổ nhiệm từ ngày 24/04/2024
Ông Võ Đình Hải	Thành viên	Tái bổ nhiệm từ ngày 24/04/2024

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp Nguyễn Văn Dường, Xã Phong Mỹ, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC**Ban Kiểm soát**

Họ và Tên	Chức vụ	Bổ nhiệm/ Tái bổ nhiệm và miễn nhiệm
Bà Nguyễn Thị Mỹ Duyên	Trưởng ban kiểm soát	Bổ nhiệm từ ngày 26/11/2024
Bà Lê Thị Bảo Trâm	Thành viên	Bổ nhiệm từ ngày 24/04/2024
Bà Phan Thị Cẩm Hường	Thành viên	Bổ nhiệm từ ngày 24/04/2024

Ban Quản lý Điều hành

Họ và Tên	Chức vụ	Bổ nhiệm/ Tái bổ nhiệm và miễn nhiệm
Ông Nguyễn Thanh Hà	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm từ ngày 24/04/2024
Bà Nguyễn Thị Kiều	Kế toán trưởng	Tái bổ nhiệm từ ngày 24/04/2024

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026 và cho đến thời điểm lập báo cáo này là:

Họ và Tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Thanh Hà	Tổng Giám đốc

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026 và tình hình tài chính vào cùng ngày được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026 đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định thực hiện soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026 của Công ty.

6. Công bố trách nhiệm của Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Tập đoàn trong kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp Nguyễn Văn Dường, Xã Phong Mỹ, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

7. Công bố các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Tổng Giám đốc công bố Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



NGUYỄN THANH HÀ

Tổng Giám đốc

Đồng Tháp, ngày 25 tháng 8 năm 2026



Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.

Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế
Member firm of PKF International



Số: 135/2026/BCSXHN-HCM.00247

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Quý cổ đông**
Các thành viên Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Domenal và công ty con (gọi tắt là "Tập đoàn"), được lập ngày 25 tháng 8 năm 2026, từ trang 05 đến trang 37, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

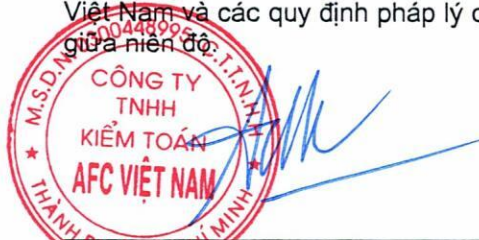
Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



TRẦN ĐẮC NHA
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2111-2023-009-1
Người được ủy quyền
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM
TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 8 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp Nguyễn Văn Đùng, Xã Phong Mỹ, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		438.618.268.838	400.942.377.283
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	30.227.867.334	21.338.730.045
Tiền	111		30.227.867.334	21.338.730.045
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		8.278.656.164	8.000.000.000
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	5.2.1	8.278.656.164	8.000.000.000
Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	124		-	-
Đầu tư ngắn hạn khác	125		-	-
Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư ngắn hạn khác	126		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		290.883.819.659	252.466.014.364
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	225.511.208.997	182.115.398.372
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	65.064.900.350	70.087.548.680
Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	135	5.5	307.710.312	263.067.312
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136		-	-
Tài sản thiếu chờ xử lý	137		-	-
Hàng tồn kho	140	5.6	102.021.457.256	115.801.140.476
Hàng tồn kho	141		102.021.457.256	115.801.140.476
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142		-	-
Tài sản sinh học ngắn hạn	150		-	-
Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	151		-	-
Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	152		-	-
Dự phòng tổn thất tài sản sinh học ngắn hạn	153		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	160		7.206.468.425	3.336.492.398
Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	5.7.1	849.751.379	781.419.975
Thuế GTGT được khấu trừ	162		5.856.200.595	2.554.555.972
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	163	5.15	516.451	516.451
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	164		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	165	5.8	500.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp Nguyễn Văn Đùng, Xã Phong Mỹ, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		247.400.289.135	251.474.327.692
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Phải thu dài hạn khác	215		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	216		-	-
Tài sản cố định	220		207.533.117.513	152.390.867.988
Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	196.891.523.488	141.746.195.135
Nguyên giá	222		289.996.315.442	227.547.261.517
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(93.104.791.954)	(85.801.066.382)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	5.10	10.641.594.025	10.644.672.853
Nguyên giá	228		10.686.988.165	10.686.988.165
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(45.394.140)	(42.315.312)
Tài sản sinh học dài hạn	230		-	-
Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ	231		-	-
Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ chưa đến giai đoạn trưởng thành	232		-	-
Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ đến giai đoạn trưởng thành	233		-	-
Nguyên giá	234		-	-
Giá trị khấu hao lũy kế	235		-	-
Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần dài hạn	236		-	-
Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần dài hạn	237		-	-
Dự phòng tổn thất tài sản sinh học dài hạn	238		-	-
Bất động sản đầu tư	240		-	-
Nguyên giá	241		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	250		467.495.952	61.316.426.652
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	251		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252	5.11	467.495.952	61.316.426.652
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	260		33.055.964.429	32.055.629.457
Đầu tư vào công ty con	261		-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	262	5.2.2	33.055.964.429	32.055.629.457
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263		-	-
Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn	264		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	265		-	-
Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	266		-	-
Tài sản dài hạn khác	270		6.343.711.241	5.711.403.595
Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	5.7.2	6.343.711.241	5.711.403.595
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	272		-	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	273		-	-
Tài sản dài hạn khác	274		-	-
Lợi thế thương mại	279		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		686.018.557.973	652.416.704.975

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp Nguyễn Văn Đùng, Xã Phong Mỹ, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		494.749.142.357	475.380.004.795
Nợ ngắn hạn	310		397.021.974.109	353.586.836.547
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	117.318.166.395	38.349.640.843
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	39.954.577.763	68.811.535.087
Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313	5.14	205.875.000	205.875.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	5.15	2.863.316.523	5.413.951.899
Phải trả người lao động	315		3.131.226.007	5.085.219.589
Chi phí phải trả ngắn hạn	316	5.16	1.533.946.042	1.628.188.376
Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng ngắn hạn	318		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	319		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	320	5.17.1	1.324.903.486	723.140.463
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	5.18.1	230.689.962.893	233.369.285.290
Dự phòng phải trả ngắn hạn	322		-	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		-	-
Quỹ bình ổn giá	324		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	325		-	-
Nợ dài hạn	330		97.727.168.248	121.793.168.248
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước dài hạn	333		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	334		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	337		-	-
Phải trả dài hạn khác	338	5.17.2	10.000.000.000	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339	5.18.2	87.727.168.248	121.793.168.248
Trái phiếu chuyển đổi	340		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	341		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	342		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	343		-	-
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	344		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp Nguyễn Văn Đứng, Xã Phong Mỹ, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	5.19	191.269.415.616	177.036.700.180
Vốn góp của chủ sở hữu	411		125.000.000.000	125.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		125.000.000.000	125.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn	412		-	-
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu mua lại của chính mình	415		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		5.974.148.571	5.974.148.571
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		60.295.267.045	46.062.551.609
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420a		46.062.551.609	24.209.873.289
LNST chưa phân phối kỳ này	420b		14.232.715.436	21.852.678.320
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		686.018.557.973	652.416.704.975



NGUYỄN THỊ KIỀU
Người lập/ Kế toán trưởng



NGUYỄN THANH HÀ
Người đại diện theo pháp luật
Phê duyệt, ngày 25 tháng 8 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp Nguyễn Văn Đùng, Xã Phong Mỹ, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	695.350.030.716	411.049.114.988
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	767.000.000	303.000.000
Doanh thu thuần	10		694.583.030.716	410.746.114.988
Giá vốn hàng bán	11	6.3	646.244.522.385	376.353.278.127
Lợi nhuận gộp	20		48.338.508.331	34.392.836.861
Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21		-	-
Doanh thu hoạt động tài chính	22	6.4	1.611.786.979	1.271.116.651
Chi phí tài chính	23	6.5	13.062.580.718	12.449.116.199
<i>trong đó, chi phí đi vay</i>	24		12.657.505.628	12.398.847.325
Chi phí bán hàng	25	6.6	16.823.566.440	5.576.546.685
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.7	3.391.833.825	2.241.207.148
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	27		1.000.334.972	635.766.952
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		17.672.649.299	16.032.850.432
Thu nhập khác	31	6.8	13.228.338	51.367.280
Chi phí khác	32	6.9	713.023.171	16.146.660
Lợi nhuận khác	40		(699.794.833)	35.220.620
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		16.972.854.466	16.068.071.052
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.15	2.740.139.030	2.332.295.142
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		14.232.715.436	13.735.775.910
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		14.232.715.436	13.735.775.910
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.10	1.139	1.099


NGUYỄN THỊ KIỀU
 Người lập/ Kế toán trưởng



NGUYỄN THANH HÀ
 Người đại diện theo pháp luật
 Phê duyệt, ngày 25 tháng 8 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp Nguyễn Văn Đứng, Xã Phong Mỹ, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		16.972.854.466	16.068.071.052
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		7.306.804.400	6.196.663.211
Các khoản dự phòng	03		-	-
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục có số dư ngoại tệ	04		(115.674.091)	(315.384.997)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05		(284.972.828)	(2.091.841)
Chi phí đi vay	06	6.5	12.657.505.628	12.398.847.325
Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động	08		36.536.517.575	34.346.104.750
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(42.212.833.254)	(64.229.907.732)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		13.779.683.220	2.597.873.790
Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		57.683.419.095	52.257.509.797
Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12		(700.639.050)	1.611.756.065
Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
Chi phí đi vay đã trả	14		(12.549.823.046)	(11.724.760.589)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	5.15	(5.321.286.772)	(2.010.000.000)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		47.215.037.768	12.848.576.081
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21		(1.600.123.225)	(1.132.895.879)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		-	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(300.000)	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24		-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.600.423.225)	(1.132.895.879)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành	32		-	-
Tiền thu từ đi vay	33	7.1	427.046.775.623	339.778.652.439
Tiền trả nợ gốc vay	34	7.2	(463.792.098.020)	(345.316.926.331)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(36.745.322.397)	(5.538.273.892)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50		8.869.292.146	6.177.406.310
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	60		21.338.730.045	551.264.095
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		19.845.143	28.184.684
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70	5.1	30.227.867.334	6.756.855.089



NGUYỄN THỊ KIỀU
Người lập/ Kế toán trưởng



NGUYỄN THANH HÀ
Người đại diện theo pháp luật
Phê duyệt, ngày 25 tháng 8 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL
Quốc lộ 30, Ấp Nguyễn Văn Đường, Xã Phong Mỹ, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Domenal ("Công ty mẹ") và Công ty TNHH Thủy sản Hiệp Thành Phát ("công ty con") (gọi chung là "Tập đoàn") cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026.

Công ty Cổ phần Domenal (Công ty mẹ) là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1400641835 đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 03 năm 2008 và được thay đổi lần thứ 20 ngày 31 tháng 07 năm 2026 do Sở Tài chính tỉnh Đồng Tháp cấp.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, thương mại.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Trong kỳ, hoạt động chính của Tập đoàn là sản xuất, kinh doanh thức ăn cho thủy sản, chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tập đoàn không quá 12 tháng.

1.5 Cấu trúc của Tập đoàn

Danh sách công ty con, công ty liên kết được hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 như sau:

Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu
Công ty TNHH Thủy sản Hiệp Thành Phát	Quốc lộ 30, Ấp Nguyễn Văn Đường, Xã Phong Mỹ, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	100%	100%	100%

Công ty liên kết được phản ánh trong báo cáo hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu
Công ty Cổ phần Thủy sản Trường Phát	Lô 06A, đường Trục Chính, Khu công nghiệp Trà Nóc 1, Phường An Thới Đông, TP. Cần Thơ	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	39,2%	39,2%	39,2%

1.6 Số lượng người lao động

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, tổng số nhân viên của Tập đoàn là 658 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 677 người).

1.7 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Các số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026 so sánh được với số liệu tương ứng của kỳ trước.

1.8 Thông tin khác

Cổ phiếu của Công ty đã được đăng ký giao dịch trên thị trường UPCoM (Hệ thống giao dịch chứng khoán chưa niêm yết) thuộc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán "DMN" theo Quyết định số 625/QĐ-SGDHN ngày 12 tháng 11 năm 2021 của Sở Giao dịch Chứng khoán, số lượng cổ phiếu niêm yết là 12.500.000 cổ phiếu. Ngày giao dịch đầu tiên là ngày 22 tháng 11 năm 2021.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Kỳ kế toán

Kỳ kế toán của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 ("Thông tư 99"), Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 43/2026/TT-BTC ngày 20/04/2026 sửa đổi, bổ sung Thông tư 202/2014/TT-BTC và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư 99, Thông tư 202, Thông tư 43 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ tài chính (trừ các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ đã được trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi) được đánh giá lại theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

Riêng số dư các khoản tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ, Tập đoàn đánh giá lại số dư tất cả các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản tiền gửi.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ). Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán phải trình bày vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo số thuần giữa tổng số lãi và tổng số lỗ do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi không kỳ hạn tại ngân hàng và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư (tính từ ngày mua đến ngày đáo hạn), có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

xác định và không có rủi ro đáng kể trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo. Các khoản tiền và tương đương tiền bị hạn chế sử dụng không được trình bày tại chỉ tiêu này mà trình bày tại chỉ tiêu "Tài sản ngắn hạn khác" hoặc "Tài sản dài hạn khác" tùy theo thời hạn hạn chế sử dụng.

4.3 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi được phân loại là nợ phải trả và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác hoặc có bản chất tương tự và không bao gồm các công cụ phái sinh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua (phí giao dịch, hoa hồng môi giới,...). Lãi dồn tích từ kỳ trước tính đến ngày mua được ghi giảm trừ vào giá gốc của khoản đầu tư tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc. Thu nhập lãi sau ngày mua được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trên cơ sở dự thu.

Trường hợp khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn có lãi suất thả nổi được xác định lại hàng kỳ theo thị trường mà việc cập nhật lãi suất thả nổi sẽ triệt tiêu được chiết khấu, phụ trội liên quan đến lợi thế của công cụ thì chiết khấu, phụ trội được phân bổ cho giai đoạn từ ngày mua tới ngày chốt lãi suất tiếp theo (ngày mà lãi suất danh nghĩa của trái phiếu được xác định theo biến động lãi suất trên thị trường). Trường hợp khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn có lãi suất thả nổi được xác định lại hàng kỳ theo thị trường đồng thời chiết khấu, phụ trội liên quan đến lợi thế của công cụ mà việc cập nhật lãi suất thả nổi không triệt tiêu được thì chiết khấu, phụ trội được phân bổ trong suốt thời gian của công cụ.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy, tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư. Trường hợp các bằng chứng tổn thất giảm đi hoặc không còn trong kỳ sau, phần tổn thất đã ghi nhận được hoàn nhập và ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trong bảng cân đối kế toán, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của các công ty liên kết. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư, Tập đoàn không phải tiếp tục phản ánh các khoản lỗ phát sinh sau đó trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Trong trường hợp này, giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không (0). Nếu sau đó công ty liên kết hoạt động có lãi, Tập đoàn chỉ được ghi nhận phần sở hữu của mình trong khoản lãi đó sau khi đã bù đắp được phần lỗ thuần chưa được hạch toán trước đây.

4.4 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, kỳ hạn và nguyên tệ.

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường/chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng bất động sản.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng hoặc từng dịch vụ cung cấp dở dang có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm dự phòng tại ngày kết thúc kỳ tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.6 Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí chờ phân bổ được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian phù hợp với thời gian tạo ra lợi ích kinh tế tương ứng. Chi phí chờ phân bổ dài hạn không được tái phân loại thành chi phí chờ phân bổ ngắn hạn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thời gian phân bổ các chi phí chờ phân bổ chủ yếu của Tập đoàn như sau:

Chi phí công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ tài sản cố định

Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ tài sản cố định khi hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào chi phí sản xuất kinh doanh cho đến kỳ bảo dưỡng tiếp theo, trong 36 tháng.

4.7 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng và phương pháp khấu hao được xem xét lại ít nhất vào cuối mỗi năm tài chính và điều chỉnh nếu cần thiết. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản	Năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	09 – 25
Máy móc và thiết bị	04 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 08
Thiết bị văn phòng	04
Tài sản cố định khác	04

4.8 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ và các chi phí liên quan trực tiếp khác. Quyền sử dụng đất ổn định lâu dài không tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

4.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt, bao gồm cả chi phí đi vay được vốn hóa phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao cho đến khi hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng.

Khi hoàn thành, toàn bộ chi phí được kết chuyển sang khoản mục phù hợp tùy theo mục đích sử dụng thực tế, bao gồm tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình, bất động sản đầu tư hoặc hàng tồn kho và được xem xét tính khấu hao từ thời điểm đưa vào sử dụng.

Chi phí nâng cấp, cải tạo tài sản cố định đang thực hiện được tập hợp riêng và khi hoàn thành, bàn giao tài sản cố định đưa vào sử dụng được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định tương ứng.

4.10 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản chi phí thực tế đã phát sinh hoặc được ước tính hợp lý nhưng chưa có đủ hồ sơ, chứng từ để ghi nhận chính thức, bao gồm: các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận nhưng chưa có hóa đơn; các khoản trích trước chi phí sản xuất kinh doanh như lương nghỉ phép, chi phí bảo hành và các khoản trích trước khác theo quy định.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tình hình tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ tài chính.

4.11 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

4.12 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty mẹ cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi Công ty mẹ không có quyền từ chối nghĩa vụ chi trả cổ tức cho các cổ đông góp vốn theo quy định của pháp luật về chứng khoán và Điều lệ của doanh nghiệp.

4.13 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi Tập đoàn hoàn thành nghĩa vụ thực hiện cam kết trong hợp đồng bằng việc chuyển giao quyền kiểm soát hàng hóa, thành phẩm cho khách hàng, đồng thời thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Tập đoàn đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi Tập đoàn hoàn thành nghĩa vụ thực hiện cam kết trong hợp đồng, đồng thời thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

4.14 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các khoản này được theo dõi riêng và kết chuyển vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ để xác định doanh thu thuần trong kỳ báo cáo.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại, Tập đoàn ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu các khoản giảm trừ phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: đây là sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Báo cáo tài chính và được ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo.
- Nếu các khoản giảm trừ phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: được ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

4.15 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ khi phát sinh, trừ khi đủ điều kiện được vốn hóa.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang, là tài sản cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán, được tính vào giá trị của tài sản đó khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ tài sản đó và chi phí đi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

Đối với khoản vay riêng biệt phục vụ việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang, chi phí đi vay được vốn hóa là chi phí đi vay thực tế phát sinh trừ đi các khoản thu nhập phát sinh từ hoạt động đầu tư tạm thời của khoản vay này.

4.16 Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế, được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền

hay chưa. Chi phí được ghi nhận ngay cả khi chưa đến kỳ hạn thanh toán nhưng có khả năng chắc chắn sẽ phát sinh nhằm đảm bảo nguyên tắc thận trọng và bảo toàn vốn.

Khi Tập đoàn ghi nhận một khoản doanh thu thì phải ghi nhận một khoản chi phí tương ứng có liên quan đến việc tạo ra doanh thu đó. Chi phí tương ứng bao gồm chi phí của kỳ tạo ra doanh thu và chi phí của các kỳ trước hoặc chi phí phải trả nhưng liên quan đến doanh thu của kỳ đó. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất của giao dịch và các chuẩn mực kế toán Việt Nam để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

4.17 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chính sách kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp của các Công ty trong Tập đoàn được thực hiện theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 ngày 14 tháng 6 năm 2025, Nghị định số 320/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập tính thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ, các khoản thu nhập không chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Hàng quý, các Công ty trong Tập đoàn xác định và ghi nhận số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp theo tờ khai thuế. Cuối năm tài chính, Công ty xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp thực tế phải nộp theo tờ khai quyết toán và điều chỉnh chênh lệch so với số đã tạm ghi nhận trong kỳ.

Các báo cáo thuế của các Công ty trong Tập đoàn sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

4.18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

4.19 Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Tính chất rủi ro và lợi ích kinh tế là căn cứ chủ yếu để xác định báo cáo bộ phận chính yếu được lập theo lĩnh vực kinh doanh hay khu vực địa lý. Nếu rủi ro và tỷ suất sinh lời bị tác động chủ yếu bởi sự khác biệt về sản phẩm và dịch vụ thì báo cáo chính yếu được lập theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo thứ yếu theo khu vực địa lý. Ngược lại, nếu rủi ro và tỷ suất sinh lời bị tác động chủ yếu bởi sự khác biệt về khu vực địa lý thì báo cáo chính yếu được lập theo khu vực địa lý và báo cáo thứ yếu theo lĩnh vực kinh doanh. Cơ cấu tổ chức, quản lý và hệ thống báo cáo tài chính nội bộ của Tập đoàn là cơ sở chính để xác định báo cáo bộ phận chính yếu hay thứ yếu.

Một bộ phận phải báo cáo khi phần lớn doanh thu có nguồn gốc từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài và đáp ứng ít nhất một trong các ngưỡng: doanh thu của bộ phận chiếm từ 10% trở lên tổng doanh thu của tất cả các bộ phận; kết quả kinh doanh của bộ phận chiếm từ 10% trở lên tổng kết quả kinh doanh của tất cả các bộ phận có lãi hoặc tổng kết quả kinh doanh của tất cả các bộ phận bị lỗ (tùy theo giá trị tuyệt đối nào lớn hơn); hoặc tổng tài sản của bộ phận chiếm từ 10% trở lên tổng tài sản của tất cả các bộ phận.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Tập đoàn.

4.20 Các nguyên tắc và phương pháp lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của các công ty con áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Báo cáo tình hình tài chính giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu thuộc phần vốn chủ sở hữu của Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

4.21 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung.

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm:

- Công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến ảnh hưởng đáng kể đến Công ty (bao gồm các thành viên Hội đồng quản trị và những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này).
- Các thành viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát hoạt động của Công ty (bao gồm Ban điều hành và những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này).

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp Nguyễn Văn Đùng, Xã Phong Mỹ, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

- Các doanh nghiệp do các cá nhân thuộc các nhóm trên kiểm soát hoặc chịu ảnh hưởng đáng kể.

Thành viên mật thiết trong gia đình của một cá nhân là những người có thể chi phối hoặc bị chi phối bởi cá nhân đó khi giao dịch với Tập đoàn, bao gồm: vợ/chồng, con đẻ, con nuôi, con riêng và những người phụ thuộc của cá nhân đó hoặc vợ/chồng của họ.

Giao dịch giữa các bên liên quan là việc chuyển giao các nguồn lực hay các nghĩa vụ giữa các bên liên quan, không xét đến việc có tính giá hay không.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các công ty / đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan:

Đối tượng	Quan hệ
Công ty Cổ phần Thủy sản Trường Phát	Công ty liên kết
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Quản lý điều hành	Thành viên chủ chốt

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối kỳ VND	Đầu kỳ VND
Tiền mặt	125.590.587	15.710.996
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn		
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Phú Nhuận	29.891.848.883	2.994.899.813
- Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Bình Tân	143.207.915	115.992.606
- Các ngân hàng khác	67.219.949	18.212.126.630
	30.227.867.334	21.338.730.045

(*) Chi tiết số dư các khoản tiền bằng ngoại tệ tại ngày 30 tháng 06 năm 2026:

	Tiền tệ	Gốc ngoại tệ	Tương đương VND
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn			
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Phú Nhuận	USD	796.251,47	20.909.563.603
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Phú Nhuận	EUR	6.571,17	172.729.775
- Các ngân hàng khác	USD	1.729,43	45.459.797
			21.127.753.175

5.2 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn là các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào các công ty liên kết. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL
Quốc lộ 30, Ấp Nguyễn Văn Dừng, Xã Phong Mỹ, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

5.2.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Cuối kỳ		Đầu kỳ	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn				
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	8.000.300.000	8.000.300.000	-	8.000.000.000
- Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh (*)				
Lãi dự thu				
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	278.356.164	278.356.164	-	-
- Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh				
	8.278.656.164	8.278.656.164	-	8.000.000.000

(*) Là các khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn 06 tháng, tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam với lãi suất 4,80%/năm.

5.2.2 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	Cuối kỳ		Đầu kỳ	
	Giá gốc VND	Giá trị có theo PP VCSH VND	Giá gốc VND	Giá trị có theo PP VCSH VND
Công ty liên kết				
Công ty Cổ phần Thủy sản Trường Phát (*)	29.400.000.000	33.055.964.429	29.400.000.000	32.055.629.457
	29.400.000.000	33.055.964.429	29.400.000.000	32.055.629.457

(*) Công ty Cổ phần Thủy sản Trường Phát hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1402051038 cấp lần đầu ngày 27 tháng 09 năm 2016 và đăng ký thay đổi lần thứ 05 ngày 19 tháng 09 năm 2025 do Sở Tài chính Thành phố Cần Thơ cấp. Vốn điều lệ là 75.000.000.000 VND. Công ty góp 29.400.000.000 VND tương đương 2.940.000 cổ phần, sở hữu 39,20% vốn góp và 39,20% quyền biểu quyết tại Công ty Cổ phần Thủy sản Trường Phát.

Tình hình hoạt động của công ty liên kết trong kỳ

Công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với kỳ trước.

CHỖ
NAM
ẤP
TY
/

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp Nguyễn Văn Đừ, Xã Phong Mỹ, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Tình hình biến động các khoản đầu tư góp vốn vào công ty liên kết như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tại ngày đầu kỳ	32.055.629.457	30.444.367.243
Lợi nhuận từ công ty liên kết	1.000.334.972	1.611.262.214
Tại ngày cuối kỳ	33.055.964.429	32.055.629.457

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Cuối kỳ		Đầu kỳ	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị dự phòng VND
Phải thu các khách hàng khác				
Đoàn Văn Nê	62.904.884.006	-	44.316.075.504	-
Campeche Trading Limited	22.690.832.237	-	12.226.843.860	-
Nguyễn Thị Ngọc Tuyền	18.917.330.500	-	-	-
Các khách hàng khác	120.998.162.254	-	125.572.479.008	-
	225.511.208.997	-	182.115.398.372	-

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Cuối kỳ VND	Đầu kỳ VND
Trả trước cho người bán khác		
Công ty TNHH KAWAII NL	45.956.346.601	45.956.346.601
Các nhà cung cấp khác	19.108.553.749	24.131.202.079
	65.064.900.350	70.087.548.680

5.5 Phải thu ngắn hạn khác

	Cuối kỳ		Đầu kỳ	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị dự phòng VND
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác				
Tạm ứng án phí (*)	263.590.312	-	225.067.312	-
Tạm ứng nhân viên	44.120.000	-	38.000.000	-
	307.710.312	-	263.067.312	-

(*) Đây là các khoản tiền Công ty đã tạm nộp cho Tòa án để thực hiện việc khởi kiện các khách hàng chậm tiến độ thanh toán công nợ. Các tranh chấp đang trong giai đoạn chờ phán quyết từ Tòa án.

5.6 Hàng tồn kho

	Cuối kỳ		Đầu kỳ	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	38.297.616.501	-	60.254.848.552	-
Công cụ, dụng cụ	2.414.251.947	-	3.065.890.871	-
Sản phẩm	61.309.588.808	-	52.480.401.053	-
	102.021.457.256	-	115.801.140.476	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp Nguyễn Văn Đứng, Xã Phong Mỹ, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

5.7 Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn, dài hạn**5.7.1 Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn**

	Cuối kỳ VND	Đầu kỳ VND
Công cụ dụng cụ	411.472.316	178.437.357
Chi phí bảo hiểm rủi ro tài sản	203.433.056	46.422.746
Chi phí khác	234.846.007	556.559.872
	849.751.379	781.419.975

5.7.2 Chi phí chờ phân bổ dài hạn

	Cuối kỳ VND	Đầu kỳ VND
Chi phí sửa chữa	2.701.531.742	704.547.079
Công cụ dụng cụ	3.633.314.499	5.006.856.516
Chi phí khác	8.865.000	-
	6.343.711.241	5.711.403.595

5.8 Tài sản ngắn hạn khác

	Cuối kỳ VND	Đầu kỳ VND
Tiền gửi bị phong tỏa (*)	500.000.000	-
	500.000.000	-

(*) Khoản tiền gửi của Công ty tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Phú Nhuận hiện đang bị phong tỏa để bảo đảm nghĩa vụ liên đới theo cam kết trả nợ thay cho Công ty Kawaii NL. Khoản tiền này dự kiến được giải tỏa trong tháng 08 năm 2026.

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL
 Quốc lộ 30, Ấp Nguyễn Văn Dừng, Xã Phong Mỹ, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

5.9 Tình hình tăng/ giảm tài sản cố định hữu hình						
	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá						
Tại ngày đầu kỳ	91.369.176.114	129.445.414.249	5.090.763.954	956.443.200	685.464.000	227.547.261.517
Mua trong kỳ	-	73.000.000	1.059.627.273	-	-	1.132.627.273
Xây dựng cơ bản hoàn thành	56.085.800.523	2.052.593.794	3.178.032.335	-	-	61.316.426.652
Tại ngày cuối kỳ	147.454.976.637	131.571.008.043	9.328.423.562	956.443.200	685.464.000	289.996.315.442
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày đầu kỳ	50.046.456.709	31.247.002.741	2.895.164.135	956.443.200	655.999.597	85.801.066.382
Khấu hao trong kỳ	3.110.466.426	3.917.496.497	265.079.649	-	10.683.000	7.303.725.572
Tại ngày cuối kỳ	53.156.923.135	35.164.499.238	3.160.243.784	956.443.200	666.682.597	93.104.791.954
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu kỳ	41.322.719.405	98.198.411.508	2.195.599.819	-	29.464.403	141.746.195.135
Tại ngày cuối kỳ	94.298.053.502	96.406.508.805	6.168.179.778	-	18.781.403	196.891.523.488
<i>Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:</i>						
Tại ngày đầu kỳ	18.492.012.875	12.212.833.940	2.724.062.727	956.443.200	600.000.000	34.985.352.742
Tại ngày cuối kỳ	18.492.012.875	16.137.902.834	2.724.062.727	956.443.200	600.000.000	38.910.421.636

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, tài sản cố định hữu hình là máy móc thiết bị được thế chấp tại ngân hàng BIDV để đảm bảo cho các khoản vay với giá trị còn lại là 96.406.508.805 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp Nguyễn Văn Đừng, Xã Phong Mỹ, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Danh mục tài sản cố định hữu hình tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	Nguyên giá VND	Hao mòn lũy kế VND	Giá trị còn lại VND
Nhà cửa, vật kiến trúc			
Nhà máy sản xuất thức ăn thủy sản	38.053.555.688	(26.130.108.532)	11.923.447.156
Công trình xây dựng kho chứa hàng và Phòng máy	34.123.557.951	(341.235.582)	33.782.322.369
Hệ thống thiết bị kho lạnh	32.474.121.765	(5.953.589.004)	26.520.532.761
Nhà cửa, vật kiến trúc khác	42.803.741.233	(20.731.990.017)	22.071.751.216
Máy móc thiết bị			
Hệ thống máy nén trục vít	16.412.748.736	(3.009.003.921)	13.403.744.815
Máy sấy khô model CZD3X16XW Andritz	15.990.222.643	(2.089.045.211)	13.901.177.432
Hệ thống dây chuyền cấp đông	15.900.000.000	(2.914.999.989)	12.985.000.011
Máy ép đùn model EX1250_Andritz	15.685.457.652	(2.032.370.311)	13.653.087.341
Máy móc thiết bị khác	67.582.579.012	(25.119.079.806)	42.463.499.206
Phương tiện vận tải			
Xe nâng	1.255.633.227	(209.272.200)	1.046.361.027
Hệ thống đường dây điện	3.178.032.335	(144.456.018)	3.033.576.317
Xe Ô tô Vinfast Limo Green	619.627.273	(10.843.478)	608.783.795
Phương tiện vận tải khác	4.275.130.727	(2.795.672.088)	1.479.458.639
Thiết bị dụng cụ quản lý			
Máy hút nguyên liệu rời trong kho	330.000.000	(330.000.000)	-
Máy hút nguyên liệu rời ngoài sông	371.483.200	(371.483.200)	-
Máy hút thổi cân trấu lò hơi	254.960.000	(254.960.000)	-
Tài sản cố định khác			
Công trình tưới nhựa mặt đường	600.000.000	(600.000.000)	-
Hệ thống báo cháy tự động	85.464.000	(66.682.597)	18.781.403
Tổng cộng	289.996.315.442	(93.104.791.954)	196.891.523.488

5.10 Tình hình tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất lâu dài VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày đầu kỳ	10.533.835.165	153.153.000	10.686.988.165
Tại ngày cuối kỳ	10.533.835.165	153.153.000	10.686.988.165
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày đầu kỳ	-	42.315.312	42.315.312
Khấu hao trong kỳ	-	3.078.828	3.078.828
Tại ngày cuối kỳ	-	45.394.140	45.394.140
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu kỳ	10.533.835.165	110.837.688	10.644.672.853
Tại ngày cuối kỳ	10.533.835.165	107.758.860	10.641.594.025

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

Tại ngày đầu kỳ	-	42.315.312	42.315.312
Tại ngày cuối kỳ	-	45.394.140	45.394.140

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất được thế chấp tại Ngân hàng BIDV để đảm bảo cho các khoản vay với giá trị còn lại là 10.533.835.165 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp Nguyễn Văn Đứng, Xã Phong Mỹ, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

5.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Đầu kỳ VND	Tăng trong kỳ VND	Kết chuyển tài sản cố định VND	Cuối kỳ VND
Công trình cầu cảng	752.314.642	-	(752.314.642)	-
Hệ thống bể xử lý nước thải	8.159.213.828	-	(8.159.213.828)	-
Công trình đường nội bộ	7.367.067.266	-	(7.367.067.266)	-
Hệ thống bể cấp nước	3.289.985.006	-	(3.289.985.006)	-
Công trình nhà ăn	2.393.661.830	-	(2.393.661.830)	-
Công trình xây dựng kho chứa hàng và phòng máy	34.123.557.951	-	(34.123.557.951)	-
Trạm biến áp	2.052.593.794	-	(2.052.593.794)	-
Hệ thống đường dây điện	3.178.032.335	-	(3.178.032.335)	-
Các công trình khác	-	467.495.952	-	467.495.952
	61.316.426.652	467.495.952	(61.316.426.652)	467.495.952

5.12 Phải trả người bán ngắn hạn

	Cuối kỳ VND	Đầu kỳ VND
Phải trả các nhà cung cấp khác		
Hồ Thị Kim Thoa	28.427.923.424	8.766.246.575
Đoàn Văn Nê	24.502.426.500	7.022.243.000
Nguyễn Thị Trúc Linh	17.280.182.200	8.155.140.000
Các nhà cung cấp khác	47.107.634.271	14.406.011.268
	117.318.166.395	38.349.640.843

5.13 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Cuối kỳ VND	Đầu kỳ VND
Trả trước của các khách hàng khác		
Công Ty TNHH Nông Nghiệp Công Nghệ Cao Hữu Thành	13.184.034.350	13.962.863.350
Hồ Thị Kim Thoa	11.465.295.118	47.535.686.118
Nguyễn Thị Ngọc Yến	5.473.048.000	-
Các đối tượng khác	9.832.200.295	7.312.985.619
	39.954.577.763	68.811.535.087

5.14 Phải trả cổ tức, lợi nhuận

	Cuối kỳ VND	Đầu kỳ VND
Cổ tức phải trả cho các cổ đông khác (*)		
Nguyễn Thị Tuyết Lan	30.000.000	30.000.000
Các cổ đông khác	175.875.000	175.875.000
	205.875.000	205.875.000

(*) Đây là khoản tiền cổ tức phải trả đã quá thời hạn thanh toán. Khoản cổ tức này chậm thanh toán là do Công ty chưa nhận được thông tin tài khoản thanh toán của cổ đông. Công ty sẽ thanh toán khoản cổ tức này cho các cổ đông khi các cổ đông cung cấp thông tin tài khoản hoặc đến nhận trực tiếp tại văn phòng Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp Nguyễn Văn Dũng, Xã Phong Mỹ, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

5.15 Thuế và các khoản phải nộp/ (phải thu) Nhà nước

	Đầu kỳ Phải nộp VND	Phải thu VND	Số phải nộp VND	Số phát sinh trong kỳ Số đã nộp/ khấu trừ VND	Cuối kỳ Phải nộp VND	Phải thu VND
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	-	(46.951)	67.849.453	(67.849.453)	-	(46.951)
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	(469.500)	6.637.149	(6.637.149)	-	(469.500)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.321.286.772	-	2.740.139.030	(5.321.286.772)	2.740.139.030	-
Thuế thu nhập cá nhân	92.239.157	-	206.486.671	(176.296.745)	122.429.083	-
Thuế tài nguyên	425.970	-	3.440.520	(3.118.080)	748.410	-
	5.413.951.899	(516.451)	3.024.552.823	(5.575.188.199)	2.863.316.523	(516.451)

5.16 Chi phí phải trả ngắn hạn

	Cuối kỳ VND	Đầu kỳ VND
Chi phí lãi vay phải trả	687.333.256	579.650.674
Chi phí trích trước tiền điện	846.612.786	1.041.606.580
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	-	6.931.122
	1.533.946.042	1.628.188.376

5.17 Phải trả ngắn hạn, dài hạn khác

5.17.1 Phải trả ngắn hạn khác

	Cuối kỳ VND	Đầu kỳ VND
Phải trả cho các tổ chức và cá nhân khác		
Kinh phí công đoàn	718.680.202	587.115.202
Bảo hiểm xã hội	239.036.321	-
Phải trả khác	367.186.963	136.025.261
	1.324.903.486	723.140.463

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp Nguyễn Văn Đừng, Xã Phong Mỹ, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

5.17.2 Phải trả dài hạn khác

	Cuối kỳ VND	Đầu kỳ VND
Phải trả cho các tổ chức và cá nhân khác		
Nhận ký quỹ ký cược dài hạn (*)	10.000.000.000	-
	10.000.000.000	-

(*) Là khoản tiền nhận ký quỹ cho các hợp đồng cung cấp thức ăn thủy sản đang thực hiện của Bà Hồ Thị Kim Thoa theo văn bản thỏa thuận ký quỹ số 53/DMN/2026 ngày 30 tháng 06 năm 2026, thời hạn từ ngày 30/06/2026 đến ngày 30/06/2028.

5.17.3 Nợ quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

5.18 Vay ngắn hạn, dài hạn**5.18.1 Vay ngắn hạn**

	Cuối kỳ VND	Đầu kỳ VND
Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác		
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Phú Nhuận (*)	204.689.962.893	209.769.285.290
Vay dài hạn đến hạn trả các tổ chức, cá nhân khác (xem thuyết minh số 5.18.2)	26.000.000.000	23.600.000.000
	230.689.962.893	233.369.285.290

Chi tiết phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Đầu kỳ VND	Số tiền vay phát sinh VND	Kết chuyển từ vay dài hạn VND	Số tiền vay đã trả VND	Cuối kỳ VND
Vay ngân hàng					
Ngân hàng					
TMCP Đầu tư và					
Phát triển Việt	209.769.285.290	427.046.775.623	-	(432.126.098.020)	204.689.962.893
Nam - Chi nhánh					
Phú Nhuận (*)					
Nợ dài hạn đến hạn trả					
Ngân hàng TMCP					
Đầu tư và Phát					
triển Việt Nam -	23.600.000.000	-	14.066.000.000	(11.666.000.000)	26.000.000.000
Chi nhánh Phú					
Nhuận (xem					
5.18.2)					
	233.369.285.290	427.046.775.623	14.066.000.000	(443.792.098.020)	230.689.962.893

Chi tiết hợp đồng vay như sau:

(*) Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Phú Nhuận theo các hợp đồng tín dụng, chi tiết như sau:

a. Hợp đồng : 02/2025/8149071/HĐTD ngày 17/10/2025
Hạn mức tín dụng : 180.000.000.000 VND
Mục đích : Bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, mở L/C
Thời hạn cấp hạn mức : 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng hạn mức nhưng tối đa không vượt quá ngày 30/09/2026, tùy thời điểm nào tới trước.
Lãi suất : 7,30% - 8,48%/năm (tùy theo quy định của ngân hàng theo từng thời kỳ)

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp Nguyễn Văn Đừng, Xã Phong Mỹ, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Hình thức đảm bảo	: Toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có thuộc dự án đầu tư máy móc thiết bị để phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Domenal tại địa chỉ: Quốc lộ 30, Ấp 1, xã Phong Mỹ, tỉnh Đồng Tháp. Gồm Máy nghiền (theo HĐ số 111-2614 ngày 02/03/2023), máy ép đùn Ex1250 và máy sấy CZD3x16XW. Quyền sử dụng đất tại QL30, Xã Phong Mỹ, Tỉnh Đồng Tháp.
b. Hợp đồng vay	: Số 01/2026/16923195/HĐTD ngày 30/06/2026
Mục đích	: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, phát hành L/C, chiết khấu bộ chứng từ xuất khẩu phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh thủy sản
Hạn mức	: 50.000.000.000 VND
Thời hạn	: 12 tháng
Lãi suất	: 8,00%/năm
Hình thức đảm bảo	: Tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất số AA02976261, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận số VP34 do Văn Phòng Đăng Ký Đất Đai tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 31/07/2025, thuộc thửa đất số: 431, tờ bản đồ số 11. Theo HĐ thế chấp số 01/2025/16923195/HĐBD ngày 19/11/2025.

5.18.2 Vay và nợ dài hạn

	Cuối kỳ VND	Đầu kỳ VND
Vay dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác		
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam		
– Chi nhánh Phú Nhuận	87.727.168.248	101.793.168.248
Vay Bà Hồ Thị Kim Thoa	-	20.000.000.000
	87.727.168.248	121.793.168.248

Chi tiết phát sinh về các khoản vay dài hạn trong kỳ như sau:

	Đầu kỳ VND	Số tiền đã trả trong kỳ VND	Kết chuyển sang vay ngắn hạn VND	Cuối kỳ VND
Vay dài hạn – ngân hàng				
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Phú Nhuận (*)	101.793.168.248	-	(14.066.000.000)	87.727.168.248
Vay dài hạn – cá nhân				
– Bà Hồ Thị Kim Thoa	20.000.000.000	(20.000.000.000)	-	-
	121.793.168.248	(20.000.000.000)	(14.066.000.000)	87.727.168.248

Chi tiết hợp đồng vay như sau:

(*) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Phú Nhuận

a. Hợp đồng : 01/2023/8149071/HĐTD ngày 17/07/2023 và PL01 ngày 01/07/2024

Hạn mức tín dụng : 23.483.000.000 VND

Mục đích : Đầu tư máy móc thiết bị để phục vụ sản xuất kinh doanh

Thời hạn cấp hạn mức : 120 tháng (tính từ ngày 11/07/2023)

Lãi suất : 7,00% - 8,40%/năm (tùy theo quy định của ngân hàng theo từng thời kỳ) áp dụng lãi suất thả nổi theo quy định của Ngân hàng tại thời điểm giải ngân và được điều chỉnh 6 tháng/lần vào ngày 01/01 và 01/07 hàng năm. Lãi suất cho vay kể từ ngày 01/07/2024 bằng lãi suất tiết kiệm dân cư bằng đồng Việt Nam kỳ hạn 24 tháng trả lãi cuối kỳ của BIDV niêm yết + 3,1%/năm.

Hình thức đảm bảo : Dây chuyền nghiền mịn cho máy nghiền RMPF 116 và Máy sàng BCMT 1250 trị giá 7.049.663.608 VND; Hệ thống máy ép đùn Ex1250 và máy sấy CZD3x16XW trị giá 17.068.670.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp Nguyễn Văn Đừng, Xã Phong Mỹ, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

b. Hợp đồng vay	: 01/2022/16923195/HĐTD ngày 14/10/2022 và phụ lục số 01/2022/16923195/HĐTD-PL01 ngày 02/02/2023
Mục đích	: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh
Hạn mức	: 128.000.000.000 VND
Thời hạn	: 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn khoản vay gốc là 24 tháng.
Lãi suất	: 8,70% - 9,35%/năm (theo quy định của BIDV từng thời kỳ nhận nợ)
Tài sản đảm bảo	: Toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có thuộc dự án đầu tư nhà máy chế biến thủy hải sản của Công ty TNHH Thủy sản Hiệp Thành Phát. Theo hợp đồng thế chấp số 01/2022/16923195/HĐBĐ ngày 25/11/2022.

5.18.3 Nợ quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có nợ vay quá hạn chưa thanh toán.

5.19 Vốn chủ sở hữu ("CSH")**5.19.1 Bảng biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của CSH VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2025	125.000.000.000	5.974.148.571	24.209.873.289	155.184.021.860
Lãi trong kỳ	-	-	13.735.775.910	13.735.775.910
Tại ngày 30/06/2025	125.000.000.000	5.974.148.571	37.945.649.199	168.919.797.770
Tại ngày 01/07/2025	125.000.000.000	5.974.148.571	37.945.649.199	168.919.797.770
Lãi trong kỳ	-	-	8.116.902.410	8.116.902.410
Tại ngày 31/12/2025	125.000.000.000	5.974.148.571	46.062.551.609	177.036.700.180
Tại ngày 01/01/2026	125.000.000.000	5.974.148.571	46.062.551.609	177.036.700.180
Lãi trong kỳ	-	-	14.232.715.436	14.232.715.436
Tại ngày 30/06/2026	125.000.000.000	5.974.148.571	60.295.267.045	191.269.415.616

5.19.2 Chi tiết vốn góp của cổ đông

Cổ đông	Cuối kỳ			Đầu kỳ		
	Cổ phần	VND	Tỷ lệ (%)	Cổ phần	VND	Tỷ lệ (%)
Ông Võ Đình Ân	8.996.720	89.967.200.000	71,97%	8.996.720	89.967.200.000	71,97%
Các cổ đông khác	3.503.280	35.032.800.000	28,03%	3.503.280	35.032.800.000	28,03%
	12.500.000	125.000.000.000	100,00%	12.500.000	125.000.000.000	100,00%

5.19.3 Cổ phiếu

	Cuối kỳ Cổ phiếu	Đầu kỳ Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.500.000	12.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	12.500.000	12.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	12.500.000	12.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp Nguyễn Văn Đừng, Xã Phong Mỹ, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

5.19.4 Phân phối lợi nhuận dự kiến

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 42/NQ/2026/DMN ngày 27 tháng 05 năm 2026 về phương án phân phối lợi nhuận trong năm. Theo đó, Công ty mẹ sẽ thực hiện tăng vốn điều lệ thông qua hình thức phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 10:4. Việc phát hành này sẽ làm tăng vốn điều lệ của Công ty từ 125.000.000.000 VND lên 174.999.900.000 VND. Tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Công ty mẹ đang triển khai các thủ tục pháp lý cần thiết với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và cơ quan đăng ký kinh doanh để hoàn tất việc tăng vốn nêu trên.

Lợi nhuận sau thuế năm 2025 sẽ được phân phối bằng cách phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu chi tiết như sau:

- Số lượng phát hành: 5.000.000 cổ phiếu.
- Giá trị phát hành dự kiến tính theo mệnh giá là 50.000.000.000 VND.
- Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền cổ tức.
- Tỷ lệ thực hiện quyền: 10:4 mỗi cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu được nhận 01 quyền nhận thêm cổ phiếu. Cứ 10 quyền nhận thêm cổ phiếu sẽ được nhận thêm 04 cổ phiếu mới.
- Tỷ lệ phát hành (số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành/ số lượng cổ phiếu đang lưu hành): 40%

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị lựa chọn thời điểm phát hành thích hợp để đảm bảo quyền lợi của cổ đông và theo quy định của pháp luật.

5.20 Các khoản mục ngoài Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ**5.20.1 Tài sản nhận cầm cố, thế chấp**

Tài sản nhận cầm cố, thế chấp	Mục đích cầm cố, thế chấp	Thời gian cầm cố, thế chấp	Bên cầm cố, thế chấp
Tiền nhận ký quỹ (xem thuyết minh 5.17.2)	Thực hiện hợp đồng mua bán thức ăn thủy sản	24 tháng	Bà Hồ Thị Kim Thoa

5.20.2 Tài sản cầm cố, thế chấp

	Giá trị sổ sách		Thời gian cầm cố, thế chấp	Bên nhận cầm cố, thế chấp
	Cuối kỳ VND	Đầu kỳ VND		
Tài sản cố định hữu hình (xem thuyết minh 5.9)	96.406.508.805	97.558.191.379	120 tháng	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát Triển Việt Nam – Chi nhánh Phú Nhuận
Tài sản cố định vô hình (xem thuyết minh 5.10)	10.533.835.165	10.533.835.165	120 tháng	
	106.940.343.970	108.092.026.544		

5.20.3 Ngoại tệ các loại

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Đô la Mỹ (USD)	797.980,90	102.294,62
Euro (EUR)	6.571,17	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp Nguyễn Văn Đường, Xã Phong Mỹ, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

5.20.4 Nợ khó đòi đã xử lý

	Cuối kỳ VND	Đầu kỳ VND	Nguyên nhân xóa sổ
Nguyễn Văn Tâm	2.463.050.588	2.463.050.588	Nợ không có khả năng thu hồi được xử lý trong năm 2024
Nguyễn An Khanh	62.237.100	62.237.100	
Nguyễn Văn Dạng	1.197.929.150	1.197.929.150	
Phạm Thị Kiều	1.002.548.330	1.002.548.330	
Nguyễn Kim Khiết	2.620.588.810	2.620.588.810	
Huỳnh Văn Thi	1.033.673.825	1.033.673.825	
Võ Văn Hồng	1.937.321.206	1.937.321.206	
Võ Văn Bé	38.282.433	38.282.433	
Trần Văn Phúc	604.516.663	604.516.663	
Phan Thị Mơ	4.831.250	4.831.250	
Phan Văn Dũng	462.978.775	462.978.775	
Phạm Thanh Trà	523.626.972	523.626.972	
Công ty Cổ phần STEVINA	680.000.000	680.000.000	
Công ty TNHH Việt Thuận Tiến	57.840.000	57.840.000	
Nguyễn Thị Thúy Vi	180.641.217	180.641.217	
Trần Văn Thúc	104.952.643	104.952.643	
Huỳnh Thanh Bình	1.553.290.285	1.553.290.285	
Trần Hữu Nghĩa	3.190.231.260	3.190.231.260	
Lê Thanh Vân	22.403.178	22.403.178	
DNTN Thanh Hải	3.400.000.000	3.400.000.000	
Công ty TNHH MTV Minh Chánh	2.697.792.212	2.697.792.212	
Nguyễn Văn Niên	474.425.214	474.425.214	
Phạm Minh Phương	20.580.509	20.580.509	
Hà Thanh Nhựt	1.067.396.819	1.067.396.819	
Đặng Thụy Tường	2.086.190.537	2.086.190.537	
Hồ Văn Đệ	197.405.000	197.405.000	
	27.684.733.976	27.684.733.976	

5.21 Giá trị các tài sản đang nắm giữ của các bên khác nhưng bị giới hạn sử dụng do có sự hạn chế của pháp luật hoặc các khoản nợ phải trả có nghĩa vụ phải thanh toán theo thỏa thuận hợp đồng hoặc theo quy định của pháp luật

Công ty không có tài sản đang nắm giữ của các bên khác bị giới hạn sử dụng do có sự hạn chế của pháp luật hoặc các khoản tiền bị hạn chế sử dụng mà Công ty có nghĩa vụ phải thanh toán theo thỏa thuận hợp đồng hoặc theo quy định của pháp luật.

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**6.1 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ****6.1.1 Tổng doanh thu**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu bán thành phẩm	645.186.740.816	406.484.148.988
Doanh thu bán hàng hóa	42.585.413.300	174.000.000
Doanh thu bán nguyên vật liệu	7.177.835.000	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	400.041.600	4.390.966.000
	695.350.030.716	411.049.114.988

6.1.2 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp Nguyễn Văn Đùng, Xã Phong Mỹ, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Hàng bán bị trả lại	767.000.000	303.000.000
	767.000.000	303.000.000

6.3 Giá vốn hàng bán

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn bán thành phẩm	601.007.482.386	373.380.912.510
Giá vốn bán hàng hóa	39.270.849.936	168.000.000
Giá vốn nguyên vật liệu	5.655.853.610	-
Giá vốn cung cấp dịch vụ	310.336.453	2.804.365.617
	646.244.522.385	376.353.278.127

6.4 Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi	284.972.828	2.091.841
Lãi chênh lệch tỷ giá trong kỳ	1.211.140.060	953.639.813
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục có số dư ngoại tệ cuối kỳ	115.674.091	315.384.997
	1.611.786.979	1.271.116.651

6.5 Chi phí tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí lãi vay	12.657.505.628	12.398.847.325
Lỗ chênh lệch tỷ giá trong kỳ	405.075.090	50.268.874
	13.062.580.718	12.449.116.199

6.6 Chi phí bán hàng

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí hoa hồng bán hàng	3.757.683.272	514.304.808
Chi phí vận chuyển	8.041.308.143	4.380.782.056
Chi phí xử lý vi sinh, kiểm nghiệm	3.573.945.108	145.265.683
Chi phí khác	1.450.629.917	536.194.138
	16.823.566.440	5.576.546.685

6.7 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	891.067.759	729.405.847
Chi phí phân bổ công cụ dụng cụ	471.703.513	228.144.157
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	2.029.062.553	1.283.657.144
	3.391.833.825	2.241.207.148

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp Nguyễn Văn Đùng, Xã Phong Mỹ, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

6.8 Thu nhập khác

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Thu nhập từ bồi thường hao hụt	10.847.520	51.367.280
Thu nhập khác	2.380.818	-
	13.228.338	51.367.280

6.9 Chi phí khác

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí vận chuyển	709.528.760	13.411.650
Chi phí khác	3.494.411	2.735.010
	713.023.171	16.146.660

6.10 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

		Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	VND	14.232.715.436	13.735.775.910
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ		-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	VND	14.232.715.436	13.735.775.910
Số lượng cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ đang lưu hành bình quân trong kỳ	CP	12.500.000	12.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VND/CP	1.139	1.099

6.11 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá mua hàng hóa đã bán	39.270.849.936	-
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	555.058.237.656	335.908.256.224
Chi phí nhân viên	21.172.990.211	14.644.415.871
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.306.804.400	6.196.663.211
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.626.137.728	21.342.615.792
Chi phí bằng tiền khác	38.024.902.719	6.079.080.862
	666.459.922.650	384.171.031.960

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**7.1 Tiền thu từ đi vay**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	427.046.775.623	339.778.652.439
	427.046.775.623	339.778.652.439

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp Nguyễn Văn Dừng, Xã Phong Mỹ, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

7.2 Tiền trả nợ gốc vay

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	463.792.098.020	345.316.926.331
	463.792.098.020	345.316.926.331

8 CÁC THÔNG TIN KHÁC**8.1 Tài sản tiềm tàng**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, Tập đoàn đang là nguyên đơn trong vụ kiện các khách hàng mua thức ăn thủy sản vi phạm hợp đồng kinh tế Tập đoàn đang chờ phán quyết từ Toà án. Tổng Giám đốc đánh giá khả năng Công ty nhận được khoản bồi thường này là rất cao. Tuy nhiên, do chưa có phán quyết cuối cùng có hiệu lực pháp luật, Tập đoàn chưa ghi nhận khoản thu nhập này trên Báo cáo quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tiếp tục theo dõi như một tài sản tiềm tàng.

8.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

8.2.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các thành viên Ban Quản lý điều hành (Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tập đoàn không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Họ Tên	Chức vụ	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Ông Nguyễn Thanh Hà	Tổng Giám đốc	116.200.000	102.240.000
Ông Võ Đình Hải	Thành viên hội đồng quản trị	-	45.240.000
Bà Nguyễn Thị Kiều	Kế toán trưởng	66.000.000	48.000.000
		182.200.000	195.480.000

8.2.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Giao dịch với các bên liên quan khác

Giao dịch phát sinh với công ty con và công ty liên kết như sau:

Tập đoàn không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

Công nợ với các bên liên quan khác

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tập đoàn không có công nợ với các bên liên quan khác.

8.3 Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Tập đoàn.

Tập đoàn không trình bày Báo cáo bộ phận trên báo cáo tài chính bởi vì Tổng Giám đốc đã đánh giá và kết luận rằng Tập đoàn hiện chỉ đang hoạt động chủ yếu ở lĩnh vực là sản xuất, thương mại và chủ yếu tập trung hoạt động ở khu vực các tỉnh Miền Tây – Việt Nam và xuất khẩu các sản phẩm từ thủy sản.

Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Tập đoàn được phân bố chủ yếu ở khu vực các tỉnh Miền Tây – Việt Nam, và xuất khẩu các sản phẩm thủy sản.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng ra nước ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Hàng hoá xuất khẩu	283.257.028.340	121.019.503.180
Hàng hoá và dịch vụ tiêu thụ trong nước	412.093.002.376	290.029.611.808
	695.350.030.716	411.049.114.988

8.4 Số liệu so sánh**8.4.1 Áp dụng thay đổi chính sách kế toán, quy định kế toán mới**

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026 là kỳ đầu tiên Tập đoàn áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp theo Thông tư 99 thay thế cho Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Báo cáo tài chính hợp nhất áp dụng theo Thông tư 43/2026/TT-BTC ngày 20 tháng 04 năm 2026.

Việc chuyển đổi sang Thông tư 99 được thực hiện theo các phương pháp sau:

- Đối với các thay đổi chính sách kế toán mà Thông tư 99 có hướng dẫn chuyển đổi cụ thể, Tập đoàn thực hiện theo hướng dẫn đó.
- Đối với các thay đổi chính sách kế toán mà Thông tư 99 không có quy định phải điều chỉnh hồi tố hoặc hồi tố đơn giản, Tập đoàn áp dụng phương pháp phi hồi tố.

8.4.2 Ảnh hưởng của việc áp dụng quy định kế toán mới, thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh các sai sót

Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới đến số liệu so sánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ như sau:

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh VND	Các điều chỉnh VND	Số liệu sau điều chỉnh VND	Ghi chú
Báo cáo tình hình tài chính					
Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313	-	205.875.000	205.875.000	(i)
Phải trả ngắn hạn khác	320	929.015.463	(205.875.000)	723.140.463	(i)
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ					
(Tăng), giảm các khoản phải thu	09	(64.231.999.573)	2.091.841	(64.229.907.732)	(ii)
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.091.841	(2.091.841)	-	(ii)
Thuyết minh Báo cáo tài chính					
Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố		386.768.905.750	(2.597.873.790)	384.171.031.960	(iii)

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp Nguyễn Văn Đừ, Xã Phong Mỹ, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

- (i) Trình bày số dư khoản Phải trả cổ tức, lợi nhuận từ khoản mục Phải trả ngắn hạn khác với giá trị là 205.875.000 VND.
- (ii) Loại trừ khoản thu lãi tiền gửi không có kỳ hạn với số tiền là 2.091.841 VND ra khỏi chỉ tiêu Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.
- (iii) Trình bày lại số so sánh kỳ trước của khoản chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố.

8.5 Các giả định và ước tính quan trọng

Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Tổng Giám đốc đã thực hiện các giả định và ước tính có ảnh hưởng đến số liệu tài sản, nợ phải trả, doanh thu và chi phí. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính này. Các giả định và ước tính quan trọng được Tổng Giám đốc đánh giá và cập nhật thường xuyên dựa trên kinh nghiệm lịch sử và các yếu tố liên quan khác.

Các ước tính dưới đây được Tổng Giám đốc xác định là có khả năng ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính trong kỳ kế toán tiếp theo nếu các giả định thay đổi.

Thời gian khấu hao / hao mòn tài sản cố định

Tổng Giám đốc ước tính thời gian sử dụng hữu ích của tài sản cố định dựa trên đặc tính kỹ thuật và kinh nghiệm sử dụng thực tế. Việc thay đổi ước tính này trong tương lai (do hao mòn thực tế nhanh / chậm hơn dự kiến) có thể ảnh hưởng đến chi phí khấu hao các kỳ sau.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, tổng nguyên giá tài sản cố định là 300.683.303.607 VND, giá trị còn lại 207.533.117.513 VND.

8.6 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính hợp nhất giữa niên độ

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 42/NQ/2026/DMN ngày 27 tháng 05 năm 2026 về phương án phân phối lợi nhuận trong năm. Theo đó, Công ty mẹ sẽ thực hiện tăng vốn điều lệ thông qua hình thức phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 10:4. Việc phát hành này sẽ làm tăng vốn điều lệ của Công ty từ 125.000.000.000 VND lên 174.999.900.000 VND. Tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Công ty mẹ đang triển khai các thủ tục pháp lý cần thiết với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và cơ quan đăng ký kinh doanh để hoàn tất việc tăng vốn nêu trên.

Ngoài sự kiện này ra, Tập đoàn không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

NGUYỄN THỊ KIỀU
Người lập biểu/ Kế toán trưởng



NGUYỄN THANH HÀ
Người đại diện theo pháp luật
Phê duyệt, ngày 25 tháng 8 năm 2026

CTY CP DOMENAL

Mã cổ phiếu: DMN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Số: 76/CV/2026/DMN

Đồng Tháp, ngày 29 tháng 08 năm 2026

V/v: Giải trình chênh lệch lợi nhuận
giữa niên độ đã được soát xét năm 2026
giảm hơn 10% so giữa niên độ đã được
soát xét năm 2025

Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Thực hiện Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Tại Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét năm 2026 có lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp giảm hơn 10% so với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét năm 2025

Giải trình nguyên nhân:

- Cung cầu thị trường cạnh tranh quyết liệt nên giá bán thức ăn thủy sản trong 6 tháng đầu năm 2026 ở mức thấp
- Tình hình lãi suất cho vay vốn ngắn hạn của Ngân hàng tăng cao làm cho chi phí lãi vay của Công ty tăng lên

Vì vậy Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét năm 2026 của Công ty CP Domenal có lợi nhuận sau thuế giảm hơn 10% so lợi nhuận Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét năm 2025.

Tuy nhiên, Công ty con chế biến thủy sản có những lợi thế nhất định và có lợi nhuận tăng trưởng tốt, nên Báo cáo tài chính **hợp nhất** giữa niên độ đã được soát xét năm 2026 vẫn đạt kế hoạch đề ra.

Trân trọng!

Nơi gửi:

- Như kính gửi
- HĐQT, BKS đề b/c
- Công bố thông tin
- Lưu VP Cty



Nguyễn Thanh Hà